

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 9 - 2024

V/v: Ly hôn giữa chị Ngọc và anh Vinh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Bình

Bà Phạm Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền, kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Bích N, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B, ngách B, ngõ Đ, đường P, phường P, thị xã S, TP. (vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Mai Thành V, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị Bích N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh V kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vào 19/4/2017. Sau kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian khoảng mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị và anh V đã sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị xin được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là cháu Mai Minh C, sinh ngày 10/6/2017, hiện nay đang do chị nuôi dưỡng. Sau ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục

nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh **V** phải cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng là 2.000.000đ

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **Mai Thành V** đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử ly hôn giữa chị **Vũ Thị Bích N** và anh **Mai Thành V**.

2. Về con chung: Giao cho chị **N** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Mai Minh C**, sinh ngày 10/6/2017, anh **V** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh **V** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **N** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh **V** phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, thông báo hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị **Vũ Thị Bích N** và anh **Mai Thành V** kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vào tháng 4/2017 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do chị **N** và anh **V** chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Chị **N** và anh **V** đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị **N** và anh **V** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị **N** là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **N** và anh **V** có 01 con chung là cháu **Mai Minh C**, sinh ngày 10/6/2017. Hiện nay con chung đang do chị **N** nuôi dưỡng, đảm bảo được quyền lợi của con chung, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

C và anh **V** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **N** mỗi tháng là 2.000.000đ là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **N** phải nộp án phí ly hôn, anh **V** phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Vũ Thị Bích N** và anh **Mai Thành V**.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao cho chị **Vũ Thị Bích N** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Mai Minh C**, sinh ngày 10/6/2017. Anh **Mai Thành V** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị **Vũ Thị Bích N** mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh **V** có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí : Chị **Vũ Thị Bích N** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp theo biên lai số 0005017 ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực**, tỉnh Nam Định. Anh **Mai Thành V** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Vũ Thị Bích N** và anh **Mai Thành V** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã Tân Thịnh
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh

